TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Bản án số: 48 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 6 - 2020

" V/v tranh chấp: Yêu cầu ly hôn, nuôi con"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông NguyễnVăn Đạt.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Bà Trần Thị Lý và ông Nguyễn Văn Quyền.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Như Thuần, Thư ký Toà án Nhân dân huyện Phong Điền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế: Bà Nguyễn Thị Phương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại hội trường Tòa án Nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019; về việc "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 29/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Bích T, sinh ngày: 04/4/1991; Nơi ĐKNKTT: Thôn C 3, xã P S, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ liên lạc: C5/26/9Q, ấp 3 V L, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Viết D, sinh ngày: 27/4/1986; Nơi ĐKNKTT: Thôn C B, xã P S, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 17/9/2019, bản tự khai ngày 10/3/2020 và biên bản hòa giải ngày 10/3/2020 nguyên đơn là chị Phan Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 07/02/2014 tại UBND xã H Đ, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhò trọ sống với nhau tại thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng giữa năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh D thường xuyên có lời lẽ xúc phạm chị T và không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Từ năm 2018 đến nay anh D bỏ mặc vợ con và hai người sống ly thân. Do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm

trọng và hiện nay vợ chồng không còn tình cảm, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung là cháu Lê Thiên P, sinh ngày 12/8/2015, hiện nay đang ở với chị T, nên chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh D đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai ngày 10/3/2020 anh Lê Viết D trình bày:

Về phần thời gian, điều kiện kết hôn như chị T trình bày là hoàn toàn đúng, tuy nhiên về mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống còn có nguyên nhân là chị T có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên đi sớm về muộn do vậy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và từ năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T gửi đơn ly hôn anh D cũng đồng ý.

Về con chung: Anh D xác nhận vợ chồng có một người con chung là cháu Lê Thiên P, sinh ngày 12/8/2015, hiện nay cháu đang ở với chị T. Nhưng nếu hai người ly hôn anh D có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng bởi anh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do chị T có quan hệ tình cảm với người khác, nên sau khi ly hôn việc chăm sóc con cái sẽ không đảm bảo. Nếu được nuôi con anh cũng không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền có ý kiến:

Đối với quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Chị Phan Thị Bích T đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Anh Lê Viết D không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại Tòa án. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng của đương sự. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Phan Thị Bích T được ly hôn anh Lê Viết D. Tiếp tục giao cháu Lê Thiên P, sinh ngày 12/8/2015 cho chị Phan Thị Bích T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung các bên đương sự thừa nhận không có nên không xem xét; Buộc chị T phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa

và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Chị T và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 07/02/2014 tại UBND xã H Đ, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D để lấy lời khai và mở phiên hòa giải, công khai chứng cứ, và quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên anh D nhiều lần cố tình vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, anh D nại ra do chị T thường xuyên nhắn tin có nội dung quan hệ mật thiết với người khác, nhưng anh cũng không chứng minh được, đồng thời việc từ bỏ vợ con một thời gian dài, chứng tỏ anh D cũng không còn trách nhiệm và không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị T, thấy rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Trong thời gian dài anh D bỏ mặc vợ con chứng tỏ anh cũng không thật sự mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân của vợ chồng. Quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh D cố tình không đến, chứng tỏ anh D không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa hai người. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị T được ly hôn với anh D.

[4]Về con chung: Trong quá trình hôn nhân chị T và anh D có một người con chung là cháu Lê Thiên P, sinh ngày 12/8/2015, hiện nay cháu đang ở với chị T. Xét thấy trong thời gian qua anh D thiếu sự quan tâm chăm sóc, bỏ mặc con cái, hiện cháu đang chung sống ổn định với chị T. Nên tiếp tục giao cháu P cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu P cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phan Thị Bích T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Bích T, cho chị Phan Thị Bích T được ly hôn với anh Lê Viết D.

Về con chung: Giao cháu Lê Thiên P, sinh ngày 12/8/2015 cho chị Phan Thị Bích T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu nên anh D không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Phan Thị Bích T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 008478 ngày 26/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã H Đ, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt